KẾ HOẠCH TUẦN 4

Chủ đề: Sữa

(Từ ngày (20/07 - 24/07/2026)

Giáo viên: Cô Hạnh - Cô Chi

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** Chiếc túi thần kỳ				
	8:15 - 8:45	**MTTN** Tìm hiểu sữa hạt	**Dinh Dưỡng** Bánh mì nướng	**KPKH** Sữa cầu vồng	**HĐ với nước** Phao bình tự cứu P2	**Tiếng Việt** Làm quen chữ r
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				
	9:00- 9:30	**Language & Expression** **Dairy Products** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Song** **Yummy Dairy Products** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Life skill** **Gently Pouring** Pour, hold, spill, wipe, cup, pitcher, clean, careful	**Steam** **Magic Milk** Milk, dish soap, food coloring, cotton swab, plate, fat, pour, drop, dip, touch, mix, magic, dance, move, spread, colorful	**Review** **Review all the learned content**
	9:30 - 10:00	**Playtime Activity 1** **Dairy Products** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Playtime activity 2** **How Cows Make Milk** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Playtime Activity 3** **Gently Pouring** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Playtime Activity 4** **Magic Milk** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Số học** Viết số 7 trên cát, tạo hình số 7	**Toán - Logic** Logic số và lượng	**LTNN** Cất ghế nhẹ nhàng không làm ồn	**Hình học** Ôn tập kích thước cao thấp, nông sâu	**CP TPVH** Câu chuyện Cún con đi lạc
	10:45 -11:45	**Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ**				
	11:45 -13:45	**Ngủ trưa**				
	13:45 -14:30	**Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo**				
BUỔI CHIỀU	14:30 - 15:00	**Language & Expression** **Dairy Products** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Story** **Ice cream soup** milk, yogurt, cheese, butter, ice cream, cream, milkshake	**Life skill** **Gently Pouring** Pour, hold, spill, wipe, cup, pitcher, clean, careful	**Steam** **Magic Milk** Milk, dish soap, food coloring, cotton swab, plate, fat, pour, drop, dip, touch, mix, magic, dance, move, spread, colorful	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Rèn luyện thể chất** Bảng chỉ dẫn	**Vận động tinh** Gắp bằng nhíp	**HĐ với nước** Phao bình tự cứu	**Hội họa** Vẽ hộp sữa	**Âm nhạc** Hòa tấu " HUNGARI DANCE NO 5" (Kẻng tam giác, trống lắc tay, stick, maracas)
	15:30- 16:00	**Điêu khắc** Khắc họa tiết con bê	**Nặn** Nặn hộp sữa	**Kỹ năng sống** Biết kỹ năng phòng tránh bị lạc	**Võ Nhạc** Phối hợp đòn đở trung đẳng với đăng sơn	**Sinh Hoạt cuối tuần**
	16:00- 16:30	**Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn**				
	16:30 - 17:00	**Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ**				